

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2011 - 2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin tại Tờ trình số 465/CNNT-TTr ngày 28 tháng 6 năm 2011 và kết quả thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3506/BTTTT-UDCNTT ngày 21 tháng 10 năm 2010 về Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Kế hoạch) gồm các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, trao đổi văn bản, tài liệu, số liệu điện tử trên môi trường mạng và thương mại hóa số liệu ngành tài nguyên và môi trường;

- Xây dựng và phát triển thành phần chính phủ điện tử thống nhất trong Bộ Tài nguyên và Môi trường; định hướng, hỗ trợ kỹ thuật ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường địa phương, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

- Đảm bảo công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên môi trường mạng, 80% văn bản trao đổi của Bộ đối với các cơ quan, đơn vị khác là văn bản điện tử, 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc;

- Các dịch vụ công (đăng ký, cấp phép,...) về tài nguyên và môi trường cơ bản được thực hiện trực tuyến đạt mức độ 3, một số lĩnh vực đạt mức độ 4;

- Hoàn thiện môi trường pháp lý về quản lý ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Hoàn thành và vận hành hạ tầng công nghệ thông tin thống nhất trong ngành tài nguyên và môi trường;

- Hoàn thành việc xây dựng, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia, hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương, thương mại hóa số liệu ngành tài nguyên và môi trường;

- 50% tới 70% thiết bị trong quan trắc, điều tra, khảo sát, đo đạc thông tin tài nguyên và môi trường được chuyển sang công nghệ số, tự động hóa việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu;

- Nâng cao độ tin cậy trong công tác dự báo về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Xây dựng từ một đến hai trung tâm tính toán hiệu năng cao, xử lý đa nhiệm;

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng đủ nhu cầu công dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước

- a) Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác hành chính, chỉ đạo, điều hành tác nghiệp của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên môi trường mạng;
- b) Tin học hoá việc thu nhận, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, quan trắc của các lĩnh vực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- c) Xử lý các bài toán đặc thù về tài nguyên và môi trường theo hướng ứng dụng có hiệu quả các sản phẩm công nghệ thông tin trong và nước ngoài;
- d. Xây dựng đồng bộ thể chế chính sách, các giải pháp kỹ thuật và tài chính.

2. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin

Hoàn thành và vận hành hạ tầng công nghệ thông tin thống nhất trong ngành tài nguyên và môi trường, bao gồm các nội dung sau:

- a) Xây dựng mạng thông tin ngành tài nguyên và môi trường thống nhất;
- b) Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường, bao gồm: cơ sở dữ liệu thành phần các lĩnh vực do Bộ quản lý và cơ sở dữ liệu tổng hợp được tính hợp từ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ở Trung ương và địa phương;
- c) Đảm bảo đầu tư đủ và đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước, tác nghiệp của Bộ;
- d) Xây dựng trung tâm máy tính hiệu năng cao phục vụ giải quyết các bài toán về tài nguyên và môi trường (ưu tiên lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu);
- đ) Triển khai đồng bộ ứng dụng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số;
- e) Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin số tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng phù hợp với quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- a) Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính,

kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ qua mạng thông tin điện tử;

b) Xây dựng và phát triển dịch vụ điện tử cung cấp thông tin, dữ liệu, tức tuyến và các dịch vụ hành chính công qua mạng cho các tổ chức và cá nhân theo quy định;

c) Phát triển thị trường thông tin, sản phẩm, dịch vụ tài nguyên và môi trường.

4. Đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin

a) Đào tạo cán bộ công nghệ thông tin đủ đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng qua quá trình triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ;

b) Tăng cường chất lượng nghiên cứu, đào tạo về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở các trường, viện thuộc Bộ;

c) Phổ cập kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin trên các trang thông tin điện tử của ngành, xây dựng hệ thống đào tạo từ xa cho cán bộ của ngành ở địa phương.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tài chính

Huy động nhiều nguồn vốn khác nhau (đầu tư phát triển, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp bảo vệ môi trường, Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), hợp tác quốc tế, xã hội hóa...), kết hợp chặt chẽ giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương để thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

2. Giải pháp tổ chức

- Công tác xây dựng, xét duyệt và thực hiện dự án căn cứ trên nội dung của kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2011 -2015;

- Để nâng cao hiệu quả đầu tư, vận dụng linh hoạt các hình thức: thuê thiết bị, công nghệ, mua sắm tập trung, đồng bộ, xã hội hóa...trong quá trình thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ;

- Có cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ và các Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương.

3. Giải pháp chính sách

Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đầy đủ các văn bản, cơ chế phục vụ

quản lý và thực hiện Kế hoạch, bao gồm các nội dung sau:

- Các văn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính cơ chế, chính sách ưu tiên trong việc tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực công nghệ thông tin;
- Các văn bản quy định, quy chuẩn kỹ thuật về các ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường;
- Các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Chính phủ và của Bộ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng, an ninh, bảo mật, quyền sở hữu, thẩm định, kiểm tra nghiệm thu,... sản phẩm, thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;
- Cơ chế tài chính để khai thác và sử dụng sản phẩm, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

IV. KHÁI TOÁN

Khái toán: khoảng **1.909.876** triệu đồng (Một ngàn chín trăm linh chín tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng) cho 36 dự án, nhiệm vụ chủ yếu (chuyển tiếp 13 và mở mới 23 dự án, nhiệm vụ - chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Thành phần Chính phủ điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường hoạt động có hiệu quả và thống nhất;
- Công khai và cung cấp sản phẩm, thông tin, dữ liệu, dịch vụ điện tử về tài nguyên và môi trường theo quy định;
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua thương mại hóa số liệu ngành tài nguyên và môi trường;
- Có hành lang pháp lý và nguồn nhân lực công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện kế hoạch

1. Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo thực hiện, kiểm tra và điều phối các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai Kế hoạch.

2. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

Trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin hàng

năm, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính bố trí kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ; hướng dẫn các đơn vị liên quan giải ngân đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Cục Công nghệ thông tin

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch xây dựng kế hoạch chi tiết ứng dụng trong kế hoạch hàng năm của Bộ trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ giai đoạn 2011-2015; theo dõi, tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và báo cáo Bộ và các cơ quan quản lý theo quy định;

- Hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong việc xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và thực hiện các dự án trong Kế hoạch đã được phê duyệt;

- Thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong Kế hoạch theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Xây dựng kế hoạch hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị phù hợp với Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ giai đoạn 2011 – 2015;

- Tổ chức và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt;

- Báo cáo định kỳ 6 tháng và đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn và yêu cầu của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các thủ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu VT, KH.TH. 5.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ỨNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2402 /QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị giá trị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, nhiệm vụ chủ yếu	Thời gian thực hiện	Khái toán dự toán	Ước thực hiện đến 31/12/2010	Kế hoạch 2011-2015 (Khái toán)	Đơn vị chủ trì và thực hiện
	TỔNG CỘNG		2.569.753	659.877	1.909.876	
A	DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHUYÊN TIẾP		1.460.014	659.877	800.137	
I	Ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước		20.370	934	19.436	
1	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thư điện tử thống nhất trong toàn ngành Tài nguyên và Môi trường.	2010-2011	3.000	180	2.820	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
2	Xây dựng cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường	2010-2012	14.970	754	14.216	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
3	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo, thống kê tổng hợp CNTT TN&MT	2011-2012	2.400		2.400	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ; Sở TNMT các tỉnh, thành phố
II	Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật thông tin		1.439.644	658.943	780.701	
1	Xây dựng CSDL, lưu trữ hồ sơ, chia sẻ và trao đổi thông tin, dữ liệu về kết quả kiểm tra, thanh tra môi trường trên phạm vi toàn quốc	2009-2012	15.000	800	14.200	Tổng cục Môi trường

TT	Tên dự án, nhiệm vụ chủ yếu	Thời gian thực hiện	Khả năng đự toán	Hiện đến 31/12/2010	2011-2015 (Khả năng)	Đơn vị chủ trì và thực hiện
2	Xây dựng CSDL và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp đời sống Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ	2009-2012	30.000	4.500	25.500	Tổng cục Môi trường
3	Xây dựng CSDL, lưu trữ hồ sơ, chia sẻ và trao đổi thông tin, dữ liệu về kết quả kiểm tra, thanh tra môi trường trên phạm vi toàn quốc	2009-2011	15.000	800	14.200	Tổng cục Môi trường
4	Thành lập CSDL nền thông tin địa lý tỷ lệ 1:10.000 gắn với mô hình số độ cao phủ trùm cả nước	2008-2011	319.885	290.430	29.455	Cục Đo đạc và Bản Đồ
5	Thành lập CSDL nền thông tin địa lý tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000 các đô thị, khu công nghiệp, khu vực kinh tế trọng điểm	2008-2011	232.630	189.450	43.180	Cục Đo đạc và Bản Đồ
6	Xây dựng hệ thống quản lý CSDL nền địa lý QG và CSDL đo đạc bản đồ	2007-2011	30.800	11.083	19.717	Cục Đo đạc và Bản Đồ
7	Xây dựng, hệ thống hoá CSDL biển quốc gia về các kết quả điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, TN & MT các vùng biển Việt Nam	2008-2011	185.000	142.000	43.000	Tổng cục Biển và Hải đảo VN
8	Dự án Xây dựng hệ thống mạng thông tin tài nguyên và môi trường	2010-2013	197.780	7.200	190.580	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
9	Dự án Xây dựng CSDL Quốc gia về tài nguyên và môi trường	2010-2015	370.500	7.430	363.070	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
10	Tăng cường năng lực cho Cục Công nghệ thông tin	2010-2012	43.049	5.250	37.799	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ

TT	Tên dự án, nhiệm vụ chủ yếu	Thời gian thực hiện	Khái toán dự toán	Cực thấp hiện đến 31/12/2010	2011-2015 (Khái toán)	Đơn vị chủ trì và thực hiện
B	DỰ ÁN, NHIỆM VỤ MỚI		1.109.739		1.109.739	
I	Ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước		93.467	0	93.467	
1	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo ngành tài nguyên và môi trường	2011-2013	12.265		12.265	Thanh tra các đơn vị thuộc Bộ; Cục Công nghệ thông tin
2	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường.	2011-2013	8.620		8.620	Vụ Tổ chức cán bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ; Cục Công nghệ thông tin
3	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các công tác quản lý Nhà nước khác thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường	2012-2015	30.000		30.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị chức năng thuộc Bộ
4	Xây dựng hệ cấp phép qua mạng Internet về các giấy phép ngành TNMT thuộc thẩm quyền các cơ quan trực thuộc Bộ	2011-2014	34.582		34.582	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
5	Xây dựng hệ thống CSDL quản lý hồ sơ lưu trữ của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2011-2015	2013-2015	8.000		8.000	Văn phòng Bộ
II	Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật thông tin		556.272		556.272	
1	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và Trung tâm điều hành tại trụ sở mới của Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011-2012	94.000		94.000	Văn phòng Bộ; Cục Công nghệ thông tin

TT	chủ yếu	thực hiện	dự toán	31/12/2010	(Khái toán)	
2	Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin số tài nguyên và môi trường trên mạng	2011-2013	12.272		12.272	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
3	Dự án Đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng Công nghệ thông tin trong ngành TN&MT	2013-2015	20.000		20.000	Vụ Tổ chức cán bộ; Cục Công nghệ thông tin; các Trường thuộc Bộ
4	Đổi mới trang thiết bị công nghệ thông tin, điều tra, quan trắc, xử lý thông tin TN&MT	2013-2015	200.000		200.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
-	Dự án Đổi mới trang thiết bị thu thập, tích hợp, quản lý, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin tài nguyên và môi trường	2013-2015	20.000		20.000	Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị trực thuộc Bộ
-	Dự án Xây dựng Trung tâm máy tính hiệu năng cao phục vụ tính toán các bài toán về tài nguyên và môi trường	2013-2015	160.000		160.000	Cục Công nghệ thông tin; Trung tâm Khí tượng thủy văn quốc gia
-	Dự án Đổi mới trang thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu về tài nguyên và môi trường	2013-2015	20.000		20.000	Các Viện nghiên cứu thuộc Bộ; Cục Công nghệ thông tin
5	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu vĩ mô cho đất lúa, đất của các tổ chức và đất sân golf (đồng bộ với CSDL quốc gia)	2013-2015	50.000		50.000	Tổng cục Đất đai; Cục Công nghệ thông tin
6	Xây dựng hệ thống dữ liệu không gian phục vụ quản lý đất đai đa mục tiêu (trước mắt đến năm 2015 tích hợp CSDL của 9 tỉnh thuộc dự án VLAP)	2013-2015	20.000		20.000	Tổng cục Đất đai; Cục Công nghệ thông tin

TT	Tên dự án, nhiệm vụ chủ yếu	Thời gian thực hiện	Khái toán dự toán	Ước thực hiện đến 31/12/2010	Kế hoạch 2011-2015 (Khái toán)	Đơn vị chủ trì và thực hiện
7	Ứng dụng CNTT thực hiện tự động hoá thu thập dữ liệu từ hệ thống các trạm quan trắc và tổng hợp tài nguyên môi trường biển về các trung tâm dữ liệu biển và hải đảo Việt Nam	2013-2015	30.000		30.000	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Công nghệ thông tin
8	Xây dựng CSDL hệ thống hải đồ điện tử các vùng biển và hải đảo Việt Nam	2013-2015	50.000		50.000	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Công nghệ thông tin
9	Xây dựng hệ thống truyền thông tin, dữ liệu theo thời gian thực từ tàu nghiên cứu biển	2013-2012	10.000		10.000	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Công nghệ thông tin
10	Xây dựng hệ thống thông tin tự động hóa công tác đo, truyền số liệu, xử lý và truyền phát sản phẩm tính toán dự báo, thông báo tài nguyên nước	2012-2015	50.000		50.000	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Công nghệ thông tin
11	Xây dựng trung tâm dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước về Địa chất và Khoáng sản	2012-2014	20.000		20.000	Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Cục Công nghệ thông tin
III	Ứng dụng CNTT chung		460.000		460.000	
1	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giải quyết các bài toán chuyên đề về tài nguyên và môi trường	2013-2015	20.000		20.000	Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục Công nghệ thông tin; các Viện thuộc Bộ
2	Phát triển và ứng dụng phần mềm mã nguồn mở trong ngành tài nguyên và môi trường	2013-2015	10.000		10.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ

TT	Tên dự án, nhiệm vụ chủ yếu	Thời gian thực hiện	Khái toán dự toán	Ước thực hiện đến 31/12/2010	Kế hoạch 2011-2015 (Khái toán)	Đơn vị chủ trì và thực hiện
3	Mở rộng và nâng cấp các phần mềm/hệ thống thông tin ứng dụng sử dụng chung trong ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 2)	2014-2016	10.000		10.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
4	Hoàn thiện và phát triển Chính phủ điện tử tại ngành tài nguyên và môi trường	2014-2016	50.000		50.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
5	Mở rộng và nâng cấp Thư viện điện tử ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 2)	2014-2016	10.000		10.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ
6	Mạng thông tin kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường (bao gồm hệ thống dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên và môi trường)	2012-2015	260.000		260.000	Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc Bộ; Sở TNMT các tỉnh, thành phố
7	Hệ thống thông tin phục vụ dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường (dự báo, cảnh báo thiên tai, thảm họa, ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo về chất lượng môi trường, về ô nhiễm môi trường; dự báo, cảnh báo về nguồn nước....)	2013-2016	100.000		100.000	Cục Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia; Cục Công nghệ thông tin; Tổng cục Môi trường; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản; Cục Tài nguyên nước